

Công văn

Tiền Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2018

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu soát xét

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trước tiên, Công ty Cổ phần Hùng Vương (“HVG” hoặc “Công ty”) xin gửi tới Quý Sở lời chào trân trọng cũng như cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Sở trong thời gian qua.

Căn cứ vào Mục 4, Mục 5, Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin được giải trình như sau:

I. Các chỉ tiêu chính trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC SOÁT XÉT	SỐ LIỆU SAU SOÁT XÉT	CHÊNH LỆCH
Phải thu ngắn hạn khác	136	553.466.763.047	528.797.082.427	(24.669.680.620)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(433.295.904.597)	(494.105.775.647)	(60.809.871.050)
Hàng tồn kho	141	1.443.817.693.680	1.371.272.099.024	(72.545.594.656)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	6.989.554.669.107	6.834.446.237.311	(155.108.431.796)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.452.326.417.806	2.387.087.340.806	(65.239.077.000)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	318.964.141.799	313.930.685.659	(5.033.456.140)
Phải trả ngắn hạn khác	319	542.190.863.596	522.190.863.596	(20.000.000.000)
Lỗi lũy kế	421	(619.904.470.801)	(602.867.880.227)	(64.590.218.571)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	6.989.554.669.107	6.834.446.237.311	(155.108.431.796)

1. Phải thu ngắn hạn khác giảm 24.669.680.620 VND chủ yếu tăng do cản trừ công nợ với chỉ tiêu người mua trả tiền trước ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác.
2. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi tăng 60.809.871.050 VND là do điều chỉnh trích lập dự phòng thêm trong kỳ.
3. Hàng tồn kho giảm 72.545.594.656 VND chủ yếu là do ảnh hưởng của nghiệp vụ chia cắt niên độ mua hàng.
4. Phải trả người bán ngắn hạn giảm 65.239.077.000 VND chủ yếu do ảnh hưởng của nghiệp vụ chia cắt niên độ mua hàng và hoàn nhập xóa sổ khoản phải trả trình bày ở mục II.2.
5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác giảm 5.033.456.140 và 20.000.000.000 VND chủ yếu là do ảnh hưởng của cản trừ công nợ trình bày ở mục I.1 nêu trên
6. Lỗi lũy kế tăng 64.590.218.571 VND là do ảnh hưởng của của các bút toán điều chỉnh trong năm đã trình bày ở mục số II dưới đây.

II. Các chỉ tiêu chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC SOÁT XÉT	SỐ LIỆU SAU SOÁT XÉT	CHÊNH LỆCH
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(21.126.111.117)	(81.840.648.833)	60.714.537.716
Thu nhập khác	31	4.675.979.634	675.979.634	4.000.000.000
Lỗ sau thuế TNDN	62	81.617.739.145	17.027.520.574	64.590.218.571

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau soát xét giảm 64.590.218.571 VND so với số liệu trước soát xét, chủ yếu do các điều chỉnh sau:

1. Chi phí quản lý doanh nghiệp bị điều chỉnh tăng 60.714.537.716 VND chủ yếu do việc trích lập bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo Thông tư 228 số tiền 60.809.871.050 VND (trình bày ở mục I.2 bên trên).
2. Thu nhập khác giảm 4.000.000.000 VND là do ảnh hưởng của việc hoàn nhập xóa sổ khoản phải trả.
3. Các điều chỉnh khác có ảnh hưởng không đáng kể.

Trên đây là nội dung giải trình cho các chênh lệch trọng yếu của BCTC riêng giữa niên độ đã soát xét so với số liệu trước soát xét của Công ty Cổ phần Hùng Vương. Trong thời gian sắp tới, để việc ghi nhận kế toán và lập BCTC được chính xác hơn, Ban Giám đốc Công ty đang trong quá trình hoàn thiện và nâng cao chất lượng của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty.

Trân trọng,



Dương Ngọc Minh
Tổng Giám đốc